TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 419/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09/9/2025
V/v tranh chấp: "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

2. Bà Thái Thục Hiền

- Thảo ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 179/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1977 *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: chung cư G, Phường C, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Trần Vi H, sinh năm 1965 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: chung cư G, Phường C, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện ngày 03/01/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu L trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Thu L và ông Trần Vi H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/KH/2001, quyển số 01/P7 ngày 10/01/2001 tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L và ông H có với nhau hai người con chung tên Trần Ngọc Thảo N (nữ), sinh ngày 06/4/2001 và Trần Ngọc Lan A (nữ), sinh ngày 31/01/2003. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc, vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, mặc dù bà đã cố gắng hàn gắn để chăm lo cho con nhưng mâu thuẫn giữa bà và ông H ngày càng trầm trọng hơn. Hiện bà và ông H đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Về con chung: Hai người con chung tên Trần Ngọc Thảo N và Trần Ngọc Lan A đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông H có tạo lập tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông H không có thiếu nợ chung của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án**: Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt cho ông Trần Vi H các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông H không đến làm việc và hòa giải nên không ghi nhận được ý kiến của ông H. Ngày 20/6/2025, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do bị đơn là ông Trần Vi H vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, đồng thời nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

*** Tại phiên tòa:**

- Chủ tọa phiên tòa công bố: nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu L, xác định đây là vụ án dân sự về việc "Ly hôn". Bị đơn cư trú tại phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu L và ông Trần Vi H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/KH/2001, quyển số 01/P7 ngày 10/01/2001 tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà L thì nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống và không có sự quan tâm, tôn trọng lẫn nhau. Mặc dù bà đã cố gắng hàn gắn để chăm lo cho con nhưng mâu thuẫn giữa bà và ông H ngày càng trầm trọng hơn. Hiện nay bà và ông H đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho bà L, ông H không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hòa giải chứng tỏ ông H cũng không còn quan tâm đến cuộc sống chung. Vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ gắn bó lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh là chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà L được ly hôn với ông H.

[3.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu L và ông Trần Vi H có hai người con chung tên Trần Ngọc Thảo N (nữ), sinh ngày 06/4/2001 và Trần Ngọc Lan A (nữ), sinh ngày 31/01/2003 đã thành niên.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu L khai bà và ông Trần Vi H có tạo lập tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông H không có mặt để trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3.4] Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Thị Thu L khai không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông H không có mặt để trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu L được ly hôn với ông Trần Vi H.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu L và ông Trần Vi H có hai con chung tên Trần Ngọc Thảo N (nữ), sinh ngày 06/4/2001 và Trần Ngọc Lan A (nữ), sinh ngày 31/01/2003 đã thành niên.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu L khai bà và ông Trần Vi H có tạo lập tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Vi H không có mặt để trình bày ý kiến nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Thị Thu L khai không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Vi H không có mặt để trình bày ý kiến nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0031381 ngày 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu L và ông Trần Vi H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP.HCM;
- TAND TP. HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng